

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
KỲ THI NGÀY 18/05/2025

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
1	453101	Ngô Thanh Thúy	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
2	453227	Phạm Bình Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.5	Không đạt			
3	462503	Đặng Thùy Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
4	462519	Nguyễn Chung Hiếu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
5	462526	Nguyễn Tùng Lâm	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
6	462527	Nguyễn Thị Thùy Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
7	462528	Trần Thị Thùy Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
8	462529	Nguyễn Thị Lộc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
9	462545	Phạm Thị Hoàng Thanh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
10	462552	Nguyễn Trọng Tuấn	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
11	462602	Hoa Lan Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
12	462605	Nguyễn Ngọc Ánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
13	462606	Nguyễn Phương Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
14	462607	Nguyễn Vũ Vân Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
15	462608	Trần Tuấn Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
16	462612	Ngô Thị Quỳnh Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
17	462613	Dương Minh Cường	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
18	462625	Đoàn Việt Khoa	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
19	462627	Hoàng Quang Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
20	462632	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
21	462648	Đỗ Anh Thư	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
22	462649	Nguyễn Ngọc Thứ	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
23	462651	Trịnh Hoàng Hương Trang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
24	462652	Tổng Duy Tùng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
25	462654	Trần Khang	Vinh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
26	462664	Nguyễn Minh	Nhật	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
27	462665	Nguyễn Lê Hiếu	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
28	462441	Lê Thị	Ngọc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	4.5	Không đạt			
29	442822	Trần Khánh	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
30	442841	Ngô Nguyễn Thiện	Phú	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	0.0	Không đạt			
31	462317	Hoàng Trường	Giang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
32	462335	Nguyễn Ngọc	Minh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
33	462339	Lê Hoàng Minh	Ngọc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
34	462344	Đỗ Thu	Quỳnh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
35	462354	Nguyễn Thị Hải	Yến	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
36	462403	Lê Trung	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
37	462424	Trần Mạnh	Huy	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
38	462428	Bùi Phan Thùy	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
39	462450	Phạm Thị	Thùy	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
40	462728	Nguyễn Thị Trà	My	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
41	462737	Nguyễn Vi Thanh	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
42	462739	Đặng Ngọc Lan	Trình	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
43	462740	Đỗ Thanh	Tùng	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
44	462808	Hoàng Thị Thùy	Dương	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
45	462814	Hà Khánh	Huyền	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
46	462828	Nguyễn Quang	Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
47	462830	Nguyễn Đại	Nghĩa	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
48	462832	Nguyễn Như	Phan	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
49	462841	Nguyễn Tiến	Lộc	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
50	462904	Đào Vũ Linh	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
51	462919	Phạm Phương	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
52	463035	Đỗ Thị Thanh	Tâm	Luật chất lượng cao	Anh văn	0.0	Không đạt			
53	463104	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
54	463105	Nguyễn Thị Minh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
55	463108	Vũ Thái	Dương	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
56	463111	Vũ Minh	Hiếu	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
57	463208	Bùi Mạnh Thành	Đạt	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
58	463214	Kiều Ngọc Hoàng	Liên	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
59	463226	Phan Từ Hiếu	Ngân	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
60	463228	Hoàng Thảo	Nguyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
61	463229	Nguyễn Hương Ngọc	Nhi	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
62	463231	Đoàn Tuấn	Phong	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
63	463232	Trần Hà	Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
64	463233	Trịnh Nhật	Quang	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
65	463237	Nguyễn Thu	Trà	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
66	463241	Lê Thanh	Thái	Luật chất lượng cao	Anh văn	0.0	Không đạt			VPQC
67	463242	Nguyễn Hoàng	Việt	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
68	441458	Trần Nhật	Nam	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
69	450152	Lâm Kim	Cúc	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
70	450217	Đinh Thị	Hậu	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt			
71	450442	Đoàn Bích	Diệp	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
72	450553	Phạm Việt	Dũng	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
73	450653	Lý Hồng	Thanh	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
74	450816	Nguyễn Thị	Thương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
75	450933	Nguyễn Doãn	Doanh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
76	451034	Nguyễn Văn	Nam	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt			VPQC
77	451351	Vì Tuấn	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
78	452047	Lục Thúy	Minh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
79	460148	Đỗ Thị Huyền	Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
80	460152	Vì Thị	Vân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
81	460158	Nhâm Hồ Khánh	Linh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
82	460160	Quách Thị Hồng	Ngọc	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
83	460235	Trần Hoàng	Nam	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
84	460237	Nguyễn Thu Thảo	Nguyên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
85	460263	Nguyễn Thị Thu	Vân	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
86	460307	Nguyễn Thị Kim	Chi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
87	460313	Đào Thị Nguyệt	Hà	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
88	460314	Hoàng Ngân	Hà	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
89	460334	Phạm Văn	Minh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
90	460346	Nguyễn Thị Minh	Thư	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
91	460348	Nguyễn Thị Thu	Trang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
92	460354	Nguyễn Tuấn	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
93	460359	Kiều Mai	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
94	460363	Nguyễn Thị Hải	Oanh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
95	460404	Vũ Huyền Hoài	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
96	460420	Nguyễn Thị	Kim	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
97	460434	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
98	460437	Hoàng Thị Phương	Thanh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
99	460448	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
100	460450	Nguyễn Thị Cát	Tường	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
101	460502	Lê Thị Nguyệt	Ánh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
102	460507	Nguyễn Vân	Chi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
103	460514	Nguyễn Nhật	Hạ	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
104	460516	Phạm Huy	Hiếu	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
105	460528	Phan Ái	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
106	460529	Hà Thị Ngọc	Loan	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
107	460531	Trần Công	Minh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
108	460532	Hoàng Thị	Ngân	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
109	460542	Lưu Thanh	Thúy	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
110	460554	Đinh Minh	Đạo	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
111	460561	Hoàng Như	Quỳnh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
112	460610	Nguyễn Công	Đạt	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
113	460616	Sái Minh	Hiếu	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
114	460617	Nguyễn Kim	Hiền	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
115	460630	Trần Ngọc	Mai	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
116	460653	Đinh Bùi Quỳnh	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
117	460655	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	Luật	Anh văn	2.5	Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
118	460658	Bùi Thiên	Lương	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
119	460658	Bùi Thiên	Lương	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt			
120	460661	Trần Hà	Thắng	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
121	460729	Lê Thị Khánh	Loan	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
122	460743	Trần Tuấn	Thành	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
123	460754	Lương Bảo	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
124	460802	Ngô Thị Phương	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
125	460803	Nông Thị Hải	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
126	460807	Phạm Thùy	Dung	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
127	460820	Linh Thị Ngọc	Lan	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
128	460843	Trần Minh	Thành	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
129	460853	Mạc Thị Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
130	460912	Mùa Thu	Hà	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
131	460936	Nguyễn Mai	Phương	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
132	460940	Phạm Công	Thành	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
133	460945	Thiều Nguyễn Anh	Thư	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
134	460958	Đinh Thị Mỹ	Lệ	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
135	460962	Lương Thị Kim	Oanh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
136	461058	Lường Thị Thúy	Loan	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
137	461061	Đinh Thị Thu	Trang	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
138	461064	Nguyễn Bích	Diệp	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
139	461126	Phạm Hải	Long	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
140	461153	Nguyễn Thái	Bảo	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
141	461162	Nông Quang	Tuấn	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
142	461211	Đỗ Thị Thu	Hà	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
143	461216	Lưu Văn	Huy	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
144	461219	Phạm Mai	Hương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
145	461309	Đinh Nguyễn Ngọc	Chính	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
146	461326	Nguyễn Ngọc	Lực	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
147	461332	Phạm Bích	Ngân	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
148	461338	Nguyễn Thị	Quỳnh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
149	461339	Trần Thị Minh	Tâm	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
150	461349	Đào Kim Thảo	Trâm	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
151	461350	Phạm Minh	Tuấn	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
152	461351	Nguyễn Khánh	Vân	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
153	461359	La Thị	Tuyết	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
154	461403	Nguyễn Lê Hoài	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
155	461405	Phạm Thị Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
156	461406	Trần Ngọc	Ánh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
157	461408	Đinh Thị Cẩm	Chi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
158	461413	Hoàng Minh	Đức	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
159	461414	Nguyễn Hương	Giang	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
160	461431	Vũ Khánh	Linh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
161	461501	Đặng Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
162	461508	Lê Thị Hồng	Duyên	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
163	461510	Phạm Chí	Dũng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
164	461521	Vương Khánh	Huyền	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
165	461526	Võ Thị Tú	Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
166	461545	Bùi Thùy	Trang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
167	461546	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
168	461547	Phạm Quỳnh	Trang	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
169	461555	Nguyễn Minh	Hiếu	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
170	461561	Trần Thanh	Tùng	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
171	461601	Đoàn Nguyễn Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
172	461603	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
173	461614	Tăng Xuân	Hải	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
174	461617	Nguyễn Trung	Hiếu	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
175	461621	Phạm Đức	Huy	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
176	461631	Nguyễn Hạnh	Mai	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
177	461632	Nguyễn Quang	Minh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
178	461634	Nguyễn Trung	Nghĩa	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
179	461637	Hoàng Tuyết	Nhung	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
180	461655	Hoàng Nhật	Khánh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
181	461658	Triệu Ngọc	Thuyết	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
182	461661	Đinh Đức	Tuấn	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
183	462714	Nguyễn Châu	Huyền	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
184	463134	Bùi Thị Ngọc	Thủy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
185	463331	Phan Thiên	Son	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
186	463343	Phạm Minh	Châu	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
187	463409	Nguyễn Văn	Bách	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
188	463451	Vũ Thị Tuyết	Nhung	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt			
189	463453	Nguyễn Đặng Minh	Phuong	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
190	463459	Đào Phuong	Thảo	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
191	463463	Chữ Vũ Anh	Thư	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
192	463516	Thân Thế	Dương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
193	463520	Nguyễn Trường	Giang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
194	463529	Lê An	Huy	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
195	461430	Trịnh Diệu	Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
196	422605	Nguyễn Thị	Nhung	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
197	442142	Vy Hồng	Nga	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
198	442506	Nguyễn Nhật	Khải	Luật Kinh tế	Anh văn	0.0	Không đạt			
199	461731	Đặng Khánh	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
200	461738	Phạm Thu	Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
201	461751	Lê Văn	Thường	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
202	461815	Lê Nguyên	Giáp	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
203	461823	Bùi Linh	Huệ	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
204	461826	Đường Minh	Kiều	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
205	461837	Phan Thị Yến	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
206	461846	Nguyễn Ngọc Phuong	Thảo	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
207	461852	Phan Thị Thùy	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
208	461854	Nguyễn Khánh	Tùng	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
209	461861	Hoàng Thị	Đào	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
210	461928	Trần Thu	Huyền	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
211	461938	Nguyễn Tuyết	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	0.0	Không đạt			VPQC
212	461945	Quang Văn	Thế	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
213	461952	Nguyễn Huyền	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
214	462003	Hoàng Ngọc	ánh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
215	462018	Mùi Thị Mỹ	Hòa	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
216	462023	Vũ Thu	Huyền	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
217	462038	Đặng Thị Nam	Phuong	Luật Kinh tế	Anh văn	4.5	Không đạt			
218	462059	Vi Nhật	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
219	462120	Nguyễn Quang	Huy	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
220	462134	Lô Thị Thiên	Nga	Luật Kinh tế	Anh văn	4.5	Không đạt			
221	462203	Nguyễn Việt	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
222	462231	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
223	462234	Lê Minh	Phuong	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
224	462247	Trịnh Thu	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
225	462258	Triệu Thị	Xiêm	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
226	451013	Nguyễn Hoàng	An	Luật	Nga văn	6.5	Đạt	3	B1	
227	461040	Lê Thị	Tâm	Luật	Nga văn	8.0	Đạt	3	B1	
228	461246	Vi Thị Quỳnh	Trang	Luật	Nga văn	5.0	Đạt	3	B1	
229	461331	Vàng Thị A Chi	Na	Luật	Nga văn	5.0	Đạt	3	B1	
230	461743	Lương Thị Hồng	Quế	Luật Kinh tế	Nga văn	5.0	Đạt	3	B1	
231	461756	Dương Minh	Tú	Luật Kinh tế	Nga văn	5.5	Đạt	3	B1	
232	451416	Hoàng Văn	Mạnh	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
233	451621	Đỗ Thị Thu	Thủy	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
234	451755	Trần Mỹ	Linh	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
235	460126	Dương Thị	Huyền	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
236	460141	Vàng Ngọc	Oanh	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
237	460545	Đinh Thị Thùy	Trang	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
238	460557	Lê Thành	Lợi	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
239	460558	Phùng Thị Minh	Nguyệt	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
240	460657	Bùi Thị Huyền	Linh	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
241	460703	Lưu Thị Lan	Anh	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
242	460708	Nguyễn Thị Doanh	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
243	460827	Nguyễn Thị Hoa Mai	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
244	460925	Hứa Đức Mạnh	Luật	Trung văn	3.5	Không đạt			
245	460948	Lê Thị Quỳnh Trang	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
246	461053	Hoàng Đình Châm	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
247	461125	Phùng Thị Ngọc Linh	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
248	461156	Nguyễn Giang Nam	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
249	461244	Trần Thị Thanh Thủy	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
250	461315	Phan Thị Hà	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
251	461528	Hà Thị Kiều Mai	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
252	463508	Hoàng Thị Bích	Luật	Trung văn	3.0	Không đạt			
253	461820	Vũ Thị Hoa	Luật Kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
254	461825	Mông Thị Mai Hương	Luật Kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
255	461827	Vũ Thị Thu Lan	Luật Kinh tế	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
256	462004	Lù Thị Lan Anh	Luật Kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
257	462006	Phạm Thị Bảo Châu	Luật Kinh tế	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
258	462014	Lý Thị Hạnh	Luật Kinh tế	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
259	462019	Lý Tiến Huân	Luật Kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
260	462022	Trương Ngọc Huyền	Luật Kinh tế	Trung văn	4.0	Không đạt			
261	462048	Bùi Thị Hoài Thương	Luật Kinh tế	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	

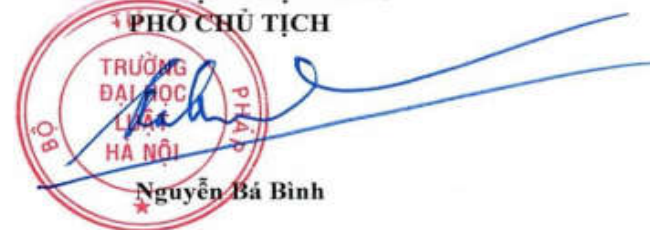
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Triều Dương

KT.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bá Bình